

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2019
V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Châu Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1991 (có mặt)

Trú tại: ấp T thị trấn N, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Bị đơn: Anh Trần Nhật T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: ấp P, thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lâm Thị H (có mặt)

Trú tại: ấp T, thị trấn N, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

2/ Chị Đặng Thị Q (vắng mặt)

Trú tại: ấp T, thị trấn N, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

3/ Bà Lâm Thị D (vắng mặt)

Trú tại: số 2, ấp B, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

4/ Ông Nguyễn Minh C (vắng mặt)

Trú tại: số 4, khu dân cư M, phường S, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày: Chị và anh Trần Nhật T chung sống năm 2013, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không có trách nhiệm với gia đình, lo ăn chơi gây nợ nần nhiều lần. Do tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đặng Thị Chúc M, sinh ngày 09/5/2014, hiện đang sống với anh T vì khi anh T đánh chị đến nay chị không thể thăm con, chị H yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ bà Lâm Thị H (mẹ ruột) 01 chỉ vàng 24k và 2.000.000 đồng; nợ bà Lâm Thị D (dì ruột) 5.000.000 đồng; nợ chị Đặng Thị Q (chị ruột) 2.400.000 đồng. Chị thống nhất trả số nợ này.

Tại các lời khai của bị đơn anh Trần Nhật T trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian chung sống. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, đôi khi cũng có cãi nhau. Anh còn thương vợ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đặng Thị Chúc M, sinh ngày 09/5/2014, hiện đang sống với anh T, anh T yêu cầu nuôi con, vì chị H không có trách nhiệm với con. Anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ như chị H trình bày, ngoài ra còn nợ anh Nguyễn Minh C 20.000.000 đồng. Anh sẽ trả nợ cho anh C, còn chị H sẽ trả số nợ cho bà H, bà D và chị Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Lâm Thị H trình bày: Bà có cho vợ chồng H, T mượn 01 chỉ vàng 24k và 2.000.000 đồng. Bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Chị Đặng Thị Q trình bày: Chị có cho vợ chồng H, T mượn 2.400.000 đồng. Chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Anh Nguyễn Minh C trình bày: Anh có cho vợ chồng H, T mượn 20.000.000 đồng. Anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và

nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị H và anh T là vợ chồng. Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn anh Trần Nhật T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Chị Đặng Thị H và anh Trần Nhật T chung sống vào năm 2013, không đăng ký kết hôn, nên không được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị H thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo cho gia đình, chỉ biết ăn chơi cờ bạc gây ra nợ nần, nên mâu thuẫn gia đình ngày càng gay gắt. Tình cảm đã không còn chị H yêu cầu ly hôn. Anh T thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên hòa giải để chị H hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng với anh T. Nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn. Do anh T chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Tuy nhiên, chị H và anh T không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là vợ chồng.

[3] Quá trình sống chung chị H, anh T có một con chung là Đặng Thị Chúc M, sinh ngày 09/5/2014. Chị H và anh T đều có yêu cầu nuôi con chung. Anh T có nghề nghiệp là đi xà lang, chị H thì làm nghề tóc. Theo anh T và chị H thì cả hai đều có điều kiện về kinh tế để nuôi con. Tuy nhiên, do cháu M là nữ, cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, cũng như tạo điều kiện cho cháu có môi trường phù hợp để phát triển về mặt tâm sinh lý sau này. Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu M, nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Thị H và anh Trần Nhật T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Chúc M, sinh ngày 09/5/2014 cho chị Đặng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu M tròn 18 tuổi. Anh Trần Nhật T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho anh Trần Nhật T không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị H phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã đóng theo biên lai số 0017913 ngày 25 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị H đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh